

Bản án số: 610/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Bé;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1254/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 1293/28, đường X, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 14/1B, đường 232, tổ 6, ấp 1, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/10/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2008. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau ông T hay ra

ngoài, không lo làm ăn còn cờ bạc, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng bà tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Cả hai đã ly thân được 02 (hai) năm, mỗi người một nhà và không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thúy N, sinh ngày 20/8/2009 và Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 22/4/2018. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thanh T hiện đang cư trú tại: Số 14/1B, đường 232, tổ 6, ấp 1, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2008.

Xét lời trình bày của bà A thì sau kết hôn giữa bà và ông T đã xảy ra những bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau, ông T hay ra ngoài, không lo làm ăn còn cờ bạc, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Cả hai đã ly thân được 02 (hai) năm, mỗi người một nhà và không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Ông T đã được Tòa án triệu tập nhưng ông không đến tòa. Ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy

muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà A và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thúy N, sinh ngày 20/8/2009 và Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 22/4/2018. Bà A yêu cầu nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy bà A đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với trẻ N và trẻ K. Trẻ N có nguyện vọng sống chung với mẹ. Để ổn định tâm lý cho trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nghị nên giao hai con chung tên Nguyễn Thúy N và Nguyễn Ngọc Kim K cho bà Nguyễn Thị Thúy A nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi hai con, bà A tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa. Nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy A là được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2008 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Giao trẻ Nguyễn Thúy N, sinh ngày 20/8/2009 và Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 22/4/2018 cho bà Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0018531 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**